TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/2025/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn X, xã C, tỉnh G.

CCCD số: I do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn X, xã C, tỉnh G.

CCCD số: I do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 19/4/2021.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K có 02 (hai) con chung là Nguyễn An T1, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn L, sinh ngày 16/3/2017.

Khi ly hôn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K thỏa thuận:

Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn An T1, sinh ngày 10/7/2012 và Nguyễn L, sinh ngày 16/3/2017 (như nguyện vọng của các con) cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi các con thành niên, đã thành

niên mất năng lực hành vi dân dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho đến khi có căn cứ làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 đồng. Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đình K mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị T tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình K để sung vào công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí số 0002855 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND khu vực 8 - G;
- Phòng THADS khu vực 8 - G;
- UBND phường H (GCN số 61 do UBND phường C, TP.P, T.G cấp ngày 11/11/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thy Thy